

SỰ NHẬN DẠNG CÔNG DÂN TOÀN CẦU CỦA SINH VIÊN

TS. Trương Quang Lâm

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ThS. Lương Bích Thủy

Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về việc nhận dạng công dân toàn cầu trên khách thể gồm 309 sinh viên, tuổi từ 19 đến 22. Phương pháp chính được sử dụng là nghiên cứu tài liệu, điều tra bảng hỏi. Nghiên cứu sử dụng thang đo Công dân toàn cầu của Reysen và Katzarska-Miller (2013) gồm 22 mệnh đề, với độ tin cậy của thang đo (α của Cronbach) = 0,82. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên nhận dạng cao nhất 2 khía cạnh là công bằng xã hội; sự giúp đỡ liên nhóm khi nhận dạng công dân toàn cầu. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong đánh giá của sinh viên xét theo tiêu chí giới tính, năm học và nơi xuất thân.

Từ khóa: Nhận dạng; Công dân toàn cầu; Sinh viên.

Ngày nhận bài: 13/8/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/9/2018.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ đã thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia trên các khía cạnh đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Những tiến bộ về khoa học và công nghệ đã thúc đẩy sự kết nối giữa các cá nhân và giữa các quốc gia với nhau trong một thế giới rộng lớn. Toàn cầu hóa được hiểu là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia, các khu vực và toàn thế giới (Larsen, Lê Văn Hào, 2015). Bối cảnh đó đã tạo điều kiện để công dân có cơ hội được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa trên thế giới, thúc đẩy năng lực liên kết và hội nhập về văn hóa, hình thành nên những công dân toàn cầu (Reysen và Katzarska-Miller, 2013).

Theo Reysen và Katzarska-Miller (2013), dưới góc độ Tâm lý học, khái niệm Công dân toàn cầu (global citizenship) được định nghĩa là *những người có sự nhận thức, sự quan tâm và đa dạng văn hóa, thúc đẩy môi trường bền vững*

và công bằng xã hội, cùng với đó là ý thức trách nhiệm trong hành động. Trước đó đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới về việc nhận dạng công dân toàn cầu (global citizenship identification). Các nhà nghiên cứu đã lập luận rằng, công dân toàn cầu là một khái niệm tích cực vì nó được định nghĩa và liên quan đến các cấu trúc tích cực khác nhau như: văn hóa khác nhau - sự đa dạng văn hóa (Haydon, 2006), định hướng công bằng xã hội (Oxfam, 1997; Davies, 2006; Gibson, Rimmington và Landwehr-Brown, 2008), tính bền vững và môi trường (Oxfam, 1997; Davies, 2006; Gibson và cộng sự, 2008; Tarrant, 2010), sự bình đẳng quốc gia (Ibrahim, 2005), sự đồng cảm (Oxfam, 1997; Gibson và cộng sự, 2008) và cảm thấy trách nhiệm hành động (Oxfam, 1997; Andrzejewski và Alessio, 1999; Davies, 2006).

Nghiên cứu của Horsley, Newell và Stubbs (2005) đã phân tích ý kiến của 204 sinh viên và học viên sau đại học ở Úc về quan điểm và hiểu biết của họ về giáo dục toàn cầu. Kết quả cho thấy, sinh viên đã phản hồi về các nội dung cơ bản của công dân toàn cầu, bao gồm mối liên hệ giữa các cá nhân, vấn đề công bằng xã hội, vấn đề nhân quyền, môi trường, sự đồng cảm giữa con người trong xã hội và sự hiểu biết về văn hóa. McLean, Cook và Crowe (2008) đã chỉ ra, công dân toàn cầu là những người có các phẩm chất như: lòng khoan dung, sự đồng cảm, tôn trọng sự đa dạng sinh học, sự phụ thuộc lẫn nhau, công bằng xã hội, nhân quyền, bình đẳng, bảo vệ môi trường và trách nhiệm. Myers (2010) cho rằng: công dân toàn thể hiện một cam kết về đạo đức và tính tích cực để cải thiện thế giới.

Ở Việt Nam, công dân toàn cầu là một khái niệm được biết đến nhiều ở lĩnh vực du lịch, kinh tế (được hiểu là những người sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới) và lĩnh vực giáo dục (để trẻ em có kiến thức, kỹ năng... hội nhập với thế giới). Nhiều trường quốc tế ở Việt Nam đã đưa vào giảng dạy các nội dung để chuẩn bị cho trẻ trở thành công dân toàn cầu. Trên thực tế, các nghiên cứu về công dân toàn cầu dưới góc độ Tâm lý học còn chưa nhiều. Việc xác định các khía cạnh nhận dạng công dân toàn cầu ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 đóng vai trò quan trọng. Nó có ý nghĩa thiết thực đối với thế hệ trẻ và các nhà giáo dục, nhằm trang bị cho thanh thiếu niên những giá trị, phẩm chất của công dân toàn cầu.

Trong phạm vi bài báo, chúng tôi trình bày kết quả điều tra thực trạng việc nhận dạng công dân toàn cầu của sinh viên. Mục đích của bài viết này nhằm trả lời cho câu hỏi: 1/ Sinh viên nhận dạng công dân toàn cầu ở khía cạnh nào nhiều nhất? 2/ Có sự khác biệt nào giữa các nhóm sinh viên theo giới, năm học và địa bàn xuất thân?

2. Công cụ và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thang đo Công dân toàn cầu của Reysen và Katzarska-Miller (2013). Thang đo này gồm 22 mệnh đề, các khách thể trả lời bằng cách lựa chọn điểm số phù hợp nhất với quan điểm của bản thân. Mức độ trả lời được cho điểm từ 1 điểm - Hoàn toàn không đồng ý đến 7 điểm - Hoàn toàn đồng ý. Thang đo gồm 9 tiểu thang đo, tương ứng với 9 khía cạnh của công dân toàn cầu, được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Nội hàm khái niệm của các tiểu thang đo Công dân toàn cầu

TT	Các tiểu thang đo	Nội hàm khái niệm
1	Môi trường chuẩn mực (Normative environment)	Cá nhân và những người quan trọng đối với họ cho rằng việc trở thành công dân toàn cầu là điều đáng mong muốn.
2	Nhận thức toàn cầu (Global awareness)	Cá nhân nhận thức và hiểu hành động của bản thân có thể ảnh hưởng đến toàn cầu, hiểu sự tương tác lẫn nhau giữa các nền văn hóa trên thế giới.
3	Sự đồng nhất công dân toàn cầu (Global citizenship identification)	Cá nhân tự tin mô tả, nhận diện mình là công dân toàn cầu.
4	Đồng cảm liên nhóm (Intergroup empathy)	Dễ dàng đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, có sự đồng cảm với mọi người ở các quốc gia khác nhau.
5	Sự đa dạng về giá trị (Valuing diversity)	Quan tâm đến các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, hiểu con người, sẵn sàng gia nhập vào các nhóm.
6	Công bằng xã hội (Social justice)	Nhận thức về sự san sẻ giữa nước giàu và nước kém phát triển, mọi người đều có cơ hội được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nước sạch, lương thực và trợ giúp pháp lý.
7	Duy trì môi trường bền vững (Environmental sustainability)	Có trách nhiệm bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cùng cố môi trường bền vững để cung cấp cho nhu cầu cơ bản của con người.
8	Sự giúp đỡ liên nhóm (Intergroup helping)	Giúp đỡ người khác khi có cơ hội, dù họ có quốc tịch nào và đến từ quốc gia nào.
9	Trách nhiệm hành động (Responsibility to act)	Có trách nhiệm tham gia tích cực vào các vấn đề toàn cầu đang diễn ra, hiểu và tôn trọng sự khác biệt văn hóa toàn cầu.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, độ tin cậy của toàn thang đo có hệ số Alpha của Cronbach là 0,82. Trong đó, độ tin cậy của các yếu tố như sau:

- Môi trường chuẩn mực, gồm 4 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,77.
- Nhận thức toàn cầu, gồm 4 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,69.
- Sự đồng nhất công dân toàn cầu, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,81.
- Sự đồng cảm liên nhóm, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,65.
- Sự đa dạng về giá trị, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,65.
- Công bằng xã hội, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,62.
- Duy trì môi trường bền vững, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,50.
- Sự giúp đỡ liên nhóm, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,70.
- Trách nhiệm hành động, gồm 2 mệnh đề, hệ số Alpha của Cronbach = 0,70.

Trước khi tiến hành khảo sát, nội hàm các tiểu thang đo và các mệnh đề được dịch sang tiếng Việt sao cho vừa đảm bảo tính chính xác về nội dung, vừa phù hợp với văn hóa Việt Nam để các khách thể hiểu và trả lời.

Khách thể nghiên cứu là 309 sinh viên đang học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Mẫu nghiên cứu được chọn theo nguyên tắc thuận tiện, xét theo giới tính có 53 sinh viên nam (17,2%) và 255 nữ (82,8%). Xét theo năm học, có 92 sinh viên năm thứ nhất (29,9%), 81 sinh viên năm thứ hai (26,3%), 55 sinh viên năm thứ ba (17,9%) và 80 sinh viên năm thứ tư (26%). Về địa bàn xuất thân, có 105 sinh viên ở thành thị (34,1%); 171 sinh viên từ nông thôn (55,5%) và 32 sinh viên ở vùng ven đô (10,4%). Sở dĩ nghiên cứu chọn nhóm khách thể này bởi: Thứ nhất, đây là nhóm khách thể có trình độ, có năng lực hiểu biết cao hơn so với nhóm thanh niên khác. Thứ hai, các em có điều kiện được học tập, tiếp thu, lĩnh hội nhiều tri thức khoa học từ trong nhà trường.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm toán học SPSS phiên bản 22.0. Một số phép phân tích thống kê được sử dụng như phân tích độ tin cậy Alpha của Cronbach, tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, kiểm định sự khác biệt T-test, Anova. Trong nghiên cứu này, kết quả điểm trung bình càng cao phản ánh sinh viên nhận dạng các khía cạnh của công dân toàn cầu càng cao và ngược lại.

Vì tiểu thang đo *Duy trì môi trường bền vững* không đảm bảo độ tin cậy nên chúng tôi không được đưa vào xử lý dữ liệu. Do đó, trong bài viết này, chúng tôi phân tích việc nhận dạng của sinh viên về 8 khía cạnh của thang đo Công dân toàn cầu với 20 mệnh đề.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nhận dạng của sinh viên về các khía cạnh của công dân toàn cầu được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2: Mức độ nhận dạng của sinh viên về các khía cạnh của công dân toàn cầu

TT	Mệnh đề	ĐTB	ĐLC
	Môi trường chuẩn mực	4,97	1,24
1	Hầu hết những người quan trọng, thân thiết với tôi đều nghĩ rằng việc là một công dân toàn cầu là điều đáng mong muốn với họ.	4,93	1,58
2	Nếu tôi cho rằng tôi là một công dân toàn cầu thì những người quan trọng, thân thiết với tôi đều tán thành.	4,92	1,62
3	Những người bạn của tôi nghĩ rằng việc là một công dân toàn cầu là điều đáng mong muốn với họ.	4,98	1,56
4	Gia đình của tôi nghĩ rằng trở thành công dân toàn cầu là điều đáng mong muốn với họ.	5,05	1,66
	Nhận thức toàn cầu	4,72	1,16
5	Tôi nhận ra rằng những hành động của bản thân trong môi trường sống của mình có thể ảnh hưởng đến các quốc gia khác.	4,67	1,74
6	Tôi tin rằng tôi được kết nối với mọi người ở các quốc gia khác và những hành động của tôi có thể ảnh hưởng tới họ.	4,78	1,64
7	Tôi cố gắng cập nhật thông tin về các vấn đề hiện nay - những điều mà có ảnh hưởng đến các mối quan hệ quốc tế.	4,93	1,59
8	Tôi hiểu các nền văn hóa khác nhau trên thế giới tương tác với nhau như thế nào.	4,48	1,45
	Sự đồng nhất công dân toàn cầu	4,39	1,46
9	Tôi tự mô tả bản thân mình như là một công dân toàn cầu.	4,36	1,54
10	Tôi tự tin nhận diện mình là thành viên của công dân toàn cầu.	4,42	1,64
	Đồng cảm liên nhóm	5,09	1,34
11	Tôi có thể đồng cảm với người ở các quốc gia khác nhau.	5,37	1,47
12	Đặt mình vào hoàn cảnh của ai đó là điều dễ dàng với tôi, bất kể họ là người ở quốc gia nào.	4,81	1,63
	Đa dạng về giá trị	5,35	1,24
13	Tôi rất sẵn lòng gia nhập vào các nhóm nhấn mạnh đến việc hiểu con người từ các quốc gia khác nhau.	5,30	1,44

14	Tôi quan tâm đến việc tìm hiểu về nhiều nền văn hóa đã tồn tại trên thế giới này.	5,42	1,46
	Công bằng xã hội	6,32	0,93
15	Các quốc gia giàu có nên giúp đỡ người ở những nước kém may mắn hơn.	6,06	1,19
16	Các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe, nước sạch, lương thực và trợ giúp pháp lý nên có sẵn cho tất cả mọi người, bất kể họ sống ở đất nước nào.	6,56	0,97
	Sự giúp đỡ liên nhóm	5,71	1,16
17	Nếu tôi có cơ hội, tôi sẽ giúp đỡ những người đang cần được giúp dù họ có quốc tịch nào.	6,15	1,15
18	Nếu có thể, tôi sẽ dành cuộc đời của mình để giúp đỡ người khác bất kể họ đến từ quốc gia nào.	5,27	1,47
	Trách nhiệm hành động	5,50	1,22
19	Tham gia tích cực vào các vấn đề toàn cầu là trách nhiệm của tôi.	5,19	1,44
20	Tôi có trách nhiệm hiểu và tôn trọng sự khác biệt về văn hóa trên toàn cầu hết khả năng của mình.	5,85	1,33
	Chung	5,25	0,69

Số liệu thu được cho thấy, sinh viên đều hướng tới các khía cạnh của công dân toàn cầu, trong đó khía cạnh *Công bằng xã hội* (ĐTB = 6,32) được sinh viên nhận dạng cao nhất. Cụ thể, ở mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý, có 89% số sinh viên cho rằng *các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe, nước sạch, lương thực và trợ giúp pháp lý nên có sẵn cho tất cả mọi người, bất kể họ sống ở đất nước nào*; 74,3% - tán thành việc *các quốc gia giàu có nên giúp đỡ những người ở những nước kém may mắn hơn*. Đứng thứ hai là khía cạnh *Sự giúp đỡ liên nhóm* (ĐTB = 5,71), với 76,4% số sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với quan điểm *nếu bản thân có cơ hội, sẽ giúp đỡ những người đang cần được giúp dù họ có quốc tịch nào*; 47,5% số sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến *nếu có thể, bản thân sẽ dành cuộc đời của mình để giúp đỡ người khác bất kể họ đến từ quốc gia nào*. Đứng thứ ba là khía cạnh *Trách nhiệm hành động* (ĐTB = 5,50), với 69,2% số sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc *có trách nhiệm hiểu và tôn trọng sự khác biệt về văn hóa trên toàn cầu hết khả năng của mình và ý kiến tham gia tích cực vào các vấn đề toàn cầu là trách nhiệm của bản thân* có 45,3% số sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Bảng 3: So sánh sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên

Tiêu chí	Phân nhóm	Môi trường chuẩn mực		Nhận thức toàn cầu		Sự đồng nhất công dân toàn cầu		Đồng cảm liên nhóm		Đa dạng về giá trị		Công bằng xã hội		Môi trường bền vững		Sự giúp đỡ liên nhóm		Trách nhiệm hành động	
		ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)
Giới tính	Nam	4,89 (1,49)	4,61 (1,11)	4,39 (1,45)	4,92 (1,52)	5,33 (1,33)	6,18 (1,08)	6,00 (1,32)	5,34 (1,44)	5,58 (1,20)									
	Nữ	4,99 (1,18)	4,74 (1,17)	4,40 (1,46)	5,14 (1,29)	5,36 (1,23)	6,34 (0,90)	6,06 (1,02)	5,79 (1,08)	5,50 (1,22)									
	<i>p</i>	0,58	0,47	0,97	0,28	0,89	0,26	0,71	0,01	0,64									
Năm học	Năm thứ nhất	5,41 (1,13)	4,28 (1,23)	4,85 (1,50)	5,47 (1,29)	5,47 (1,25)	6,39 (0,92)	6,25 (0,88)	5,91 (1,08)	5,84 (1,12)									
	Năm thứ tư	4,71 (1,25)	4,60 (1,11)	4,15 (1,42)	4,92 (1,37)	5,36 (1,17)	6,30 (0,93)	6,01 (0,93)	5,68 (1,07)	5,36 (1,13)									
	<i>p</i>	0,00	0,22	0,00	0,00	0,53	0,52	0,09	0,16	0,00									
Địa bàn xuất thân	Thành thị	4,74 (1,23)	4,77 (1,14)	4,33 (1,30)	5,06 (1,24)	5,29 (1,23)	6,27 (0,97)	5,90 (1,17)	5,38 (1,36)	5,27 (1,34)									
	Nông thôn	5,16 (1,23)	4,72 (1,19)	4,45 (1,52)	5,09 (1,40)	5,37 (1,25)	6,33 (0,90)	6,13 (1,05)	5,92 (0,99)	5,67 (1,12)									
	Vùng ven đô	4,70 (1,19)	4,54 (1,10)	4,34 (1,61)	5,29 (1,24)	5,50 (1,28)	6,34 (1,01)	6,15 (0,80)	5,68 (1,08)	5,45 (1,21)									
	<i>p</i>	0,00	0,62	0,78	0,67	0,68	0,85	0,21	0,00	0,03									

Ghi chú. Mức ý nghĩa $p < 0,01$ hoặc $p < 0,05$.

Hai trong số ba khía cạnh của công dân toàn cầu được các khách thể nhận diện cao nhất có sự phù hợp với văn hóa của Việt Nam. Nó thể hiện mối quan hệ giữa con người trong xã hội, mang tính đặc thù văn hóa của một dân tộc với lối sống trọng tình. Theo nghiên cứu của Trần Ngọc Thêm (2015), trong số 7 giá trị phổ biến trong cuộc sống mà người Việt Nam coi trọng hiện nay (*Hạnh phúc gia đình; Việc làm ổn định; Công bằng xã hội; Giàu có; Có nhà riêng; Tình nghĩa; Trung thực*), thì giá trị *Công bằng xã hội* đứng vị trí thứ ba; giá trị *Tình nghĩa* (tương đương với *Sự giúp đỡ liên nhóm*) giữ vị trí thứ sáu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả Reysen và Katzarska-Miller (2013), theo đó, 3 khía cạnh của công dân toàn cầu được sinh viên đánh giá cao nhất là: *Duy trì môi trường bền vững* (ĐTB = 5,63); *Công bằng xã hội* (ĐTB = 5,62); *Sự giúp đỡ liên nhóm* (ĐTB = 5,54).

Trong khi đó, hai khía cạnh của công dân toàn cầu mà sinh viên nhận dạng thấp nhất là *Sự đồng nhất công dân toàn cầu* (ĐTB = 4,39) và *Nhận thức toàn cầu* (ĐTB = 4,72). Theo nội hàm khái niệm, nhận thức toàn cầu là việc cá nhân *nhận thức và hiểu hành động của bản thân có thể ảnh hưởng đến toàn cầu, hiểu sự tương tác lẫn nhau giữa các nền văn hóa trên thế giới*, vì vậy, kết quả này có thể được lý giải do sinh viên chưa có nhiều cơ hội trải nghiệm, tương tác với các nền văn hóa khác nhau, nên họ đánh giá thấp hai yếu tố trên. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Schwartz và Bardi (2001) đã chỉ ra: ở các nền văn hóa cộng đồng, con người thường đề cao các giá trị an toàn, nhân ái, đúng mực. Do đó, khi cá nhân coi trọng tư duy độc lập, có sự trải nghiệm ở nhiều môi trường sống khác nhau... thì họ mới cảm nhận rõ về những hành động của bản thân có thể ảnh hưởng đến các quốc gia khác.

So sánh theo giới tính cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở khía cạnh *Sự giúp đỡ liên nhóm*, cụ thể, sinh viên nữ có mức đánh giá cao hơn so với sinh viên nam (ĐTB_{nữ} = 5,79; ĐTB_{nam} = 5,34; $p < 0,05$). Dưới góc độ văn hóa có thể thấy, qua quá trình xã hội hóa, nữ giới được giáo dục từ nhỏ các công việc như nội trợ, chăm sóc người thân... thêm vào đó, nữ giới thiên về việc duy trì mối quan hệ xúc cảm, vì vậy, họ đánh giá cao hơn khía cạnh sự giúp đỡ người khác so với nam giới. Và sự khác biệt này dường như tồn tại trong hầu hết các nền văn hóa, nó phản ánh các vai trò, chức năng khác nhau của hai giới (Kashima, Siegal, Tanaka và Kashima, 1992 - dẫn theo Larsen và Lê Văn Hào, 2015).

Xét theo năm học cho thấy, sinh viên năm thứ nhất đánh giá cao hơn sinh viên năm thứ tư ở các khía cạnh: *Môi trường chuẩn mực* (ĐTB_{năm thứ nhất} = 5,41; ĐTB_{năm thứ tư} = 4,71; $p < 0,01$); *Sự đồng nhất công dân toàn cầu* (ĐTB_{năm thứ nhất} = 4,85;

ĐTB_{năm thứ tư} = 4,15; $p < 0,01$); *Đồng cảm liên nhóm* (ĐTB_{năm thứ nhất} = 5,47; ĐTB_{năm thứ tư} = 4,92; $p < 0,01$); *Trách nhiệm hành động* (ĐTB_{năm thứ nhất} = 5,84; ĐTB_{năm thứ tư} = 5,36; $p < 0,01$). Câu hỏi đặt ra là vì sao với sinh viên năm thứ tư, các em đã tích lũy được tương đối nhiều kiến thức, có hiểu biết nhiều hơn, nhưng lại đánh giá các khía cạnh này thấp hơn sinh viên năm thứ nhất? Theo quan điểm sự hình thành cái Tôi xã hội (Shibutani, 1987), khi gia nhập vào các nhóm xã hội, cá nhân có xu hướng tuân theo các quy định, chuẩn mực xã hội để vào các vai trò xã hội. Bên cạnh đó, cái Tôi xã hội cũng bao gồm nhận thức của cá nhân về những điều mơ ước trở thành (Markus và Nurius, 1986; Inglehart, 1989 - dẫn theo Hoàng Mộc Lan, 2016). Có thể hiểu là sinh viên năm thứ nhất hướng tới trở thành một công dân toàn cầu, có đầy đủ năng lực, phẩm chất để hội nhập và phát triển. Vì vậy, quá trình tiếp thu các giá trị ở sinh viên năm thứ nhất diễn ra mạnh mẽ hơn so với sinh viên năm thứ tư, nên nhóm sinh viên này nhận dạng cao hơn các khía cạnh nêu trên.

So sánh theo địa bàn xuất thân chỉ ra rằng, có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê: sinh viên xuất thân từ nông thôn đánh giá cao hơn sinh viên thành thị và ven đô ở khía cạnh *Môi trường chuẩn mực* (ĐTB_{nông thôn} = 5,16; ĐTB_{thành thị} = 4,74; ĐTB_{ven đô} = 4,70; $p < 0,01$); *Sự giúp đỡ liên nhóm* (ĐTB_{nông thôn} = 5,92; ĐTB_{thành thị} = 5,38; ĐTB_{ven đô} = 5,68; $p < 0,01$); *Trách nhiệm hành động* (ĐTB_{nông thôn} = 5,67; ĐTB_{thành thị} = 5,27; ĐTB_{ven đô} = 5,45; $p < 0,05$). Điều này được lý giải bởi với sinh viên ở nông thôn ra thành phố học tập và sinh sống, quá trình thích ứng văn hóa diễn ra mạnh mẽ hơn. Theo lý thuyết cái Tôi xã hội, việc gia nhập vào môi trường mới đòi hỏi sinh viên từ nông thôn phải học cách sống tự lập và thích ứng với môi trường xã hội ở thành thị. Bên cạnh đó, một điều dễ nhận thấy về mặt văn hóa, nhóm sinh viên ở nông thôn có tính cộng đồng cao hơn, họ có thể hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn ở môi trường mới... Vì vậy, nhóm sinh viên này đánh giá 3 khía cạnh trên cao hơn so với sinh viên ở thành thị và ven đô.

4. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, nhiều quốc gia trên thế giới đã có các chương trình nhằm định hướng thế hệ trẻ trở thành công dân toàn cầu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra, sinh viên nhận dạng cao nhất ba khía cạnh của công dân toàn cầu là *Công bằng xã hội*, *Sự giúp đỡ liên nhóm*, *Trách nhiệm hành động*; hai khía cạnh sinh viên nhận dạng thấp nhất là *Sự đồng nhất công dân toàn cầu* và *Nhận thức toàn cầu*.

Có sự khác biệt trong đánh giá giữa nhóm khách thể, sinh viên nữ đánh giá cao hơn sinh viên nam về *Sự giúp đỡ liên nhóm*; nhóm sinh viên năm thứ nhất đánh giá cao hơn sinh viên năm thứ tư ở các khía cạnh *Môi trường chuẩn*

mục; Sự đồng nhất công dân toàn cầu, Đồng cảm liên nhóm, Trách nhiệm hành động và sinh viên xuất thân từ nông thôn đánh giá cao hơn sinh viên ở thành thị và ven đô trên các mặt Môi trường chuẩn mực, sự giúp đỡ liên nhóm, trách nhiệm hành động. Các lý giải dưới góc độ tâm lý học văn hóa đã giải thích được sự khác biệt này.

Tóm lại, trong một thế giới ngày càng gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau, việc định hướng công dân toàn cầu cho thế hệ trẻ đóng vai trò quan trọng để có thể trao quyền cho thanh niên trong việc giải quyết những thách thức toàn cầu ngày càng tăng, nhằm xây dựng thế giới công bằng hơn và bền vững hơn. Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần nghiên cứu trên nhiều nhóm khách thể khác nhau để thấy được sự khác biệt giữa các nhóm; đồng thời cần nghiên cứu về các giá trị, phẩm chất được đặt ra thể hiện bản sắc công dân toàn cầu của người Việt Nam.

5. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này có một số hạn chế, đó là: Thứ nhất, tỷ lệ nam - nữ mất cân đối, cùng với đó là mẫu nghiên cứu mới chỉ gồm 309 sinh viên, cách thức chọn mẫu thuận tiện nên mức độ đại diện và tính thuyết phục còn hạn chế, vì vậy, kết luận chỉ có ý nghĩa trong phạm vi nhất định, khó có thể đưa ra kết luận mang tính khái quát.

Thứ hai, tiêu thang đo *Duy trì môi trường bền vững* của thang đo khi chúng tôi khảo sát có độ tin cậy không đảm bảo, trong khi đó, nội dung này rất cần được đưa vào nghiên cứu. Bởi hiện nay các vấn đề mang tính thời sự như: biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, chiến tranh... đang đe dọa đến cuộc sống và hạnh phúc của con người. Điều này đòi hỏi công dân ở mỗi nước phải nhận thức và có trách nhiệm hành động để phát triển bền vững môi trường sống.

Tài liệu tham khảo

1. Andrzejewski J. and Alessio J. (1999). *Education for Global Citizenship and Social Responsibility*. Burlington. VT: John Dewey Project on Progressive Education.
2. Davies L. (2006). *Global Citizenship: Abstraction or Framework for Action?* Educational Review. 58. 5 - 25.
3. Gibson K., Rimmington G.M. and Landwehr-Brown M. (2008). *Developing global awareness and responsible world citizenship with global learning*. Roper Review. 30 (1). 11 - 23. Doi: 10.1080/02783190701836270.
4. Hoàng Mộc Lan (2016). *Giáo trình Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Larsen S.K., Lê Văn Hào (2015). *Tâm lý học xuyên văn hóa*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Haydon G. (2006). *Respect for persons and for cultures as a basis for national and global citizenship*. Journal of Moral Education. 35. 457 - 471.
7. Horsley M., Newell S. and Stubbs B. (2005). *The prior knowledge of global education of pre-service teacher education students*. Citizenship. Social and Economics Education 6. 137 - 155.
8. Ibrahim T. (2005). *Global citizenship education: Mainstreaming the curriculum?* Cambridge Journal of Education. 35 (2). 177 - 194.
9. McLean L.R., Cook S. A. and Crowe T. (2008). *Imagining Global Citizens: Teaching Peace and Global Education in a Teacher- Education Programme*. Citizenship Teaching and Learning 4. 50 - 64.
10. Myers J.P. (2010). *To Benefit the World by Whatever Means Possible: Adolescents' Constructed Meaning for Global Citizenship*. British Education Research Journal 36. 483 - 502.
11. Oxfam (1997). *A curriculum for global citizenship*. Oxford: Oxfam Development Education Programme.
12. Reysen S., Katzarska-Miller I. (2013). *A model of global citizenship: Antecedents and outcomes*. International Journal of Psychology. Vol. 48, No. 5. 858 - 870. <http://dx.doi.org/10.1080/00207594.2012.701749>.
13. Reysen S., Lindsey Pierce, Caramy J.S., Katzarska-Miller I. (2013). *Exploring the Content of Global Citizen Identity*. The Journal of Multiculturalism in Education. Vol. 9. Number 1 (October).
14. Schwartz S.H., Bardi A. (2001). *Values hierarchies across cultures: Taking a similarities perspective*. Journal of Cross-Cultural Psychology. 32. 268 - 290.
15. Shibutani T. (1987). *Society and Personality: An Interactionist Approach to Social Psychology*. Published 2017 by Routledge.
16. Tarrant M.A. (2010). *Conceptual Framework for Exploring the Role of Studies Abroad in Nurturing Global Citizenship*. Journal of Studies in International Education 14(5). DOI: 10.1177/1028315309348737.
17. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên, 2015). *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.